

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 03 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Len;

Bà Hoàng Thị Chiêu.

Thư ký phiên tòa: Ông Triệu T2 Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:04/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. Nông Văn T1, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1999 tại: huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn H và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến nay, có mặt.

2. Hoàng Anh T, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1986 tại: huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Như H và bà Ma Thị B (đã chết); vợ là Hoàng Thị L và có 01 con sinh năm 2010: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2020 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nông Văn T2, sinh năm 1987; trú tại: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Long Văn D, sinh năm 1980; trú tại: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt

3. Chị Bé Thị V, sinh năm 1984; trú tại: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; trú tại: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Ma Thái D, sinh năm 1995, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20/6/2020, Nông Văn T1 đến nhà Nông Văn T2 chơi, đến khoảng 23 giờ cùng ngày T1 mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, vàng biển kiểm soát 12T1-069.10 của T2 về nhà và hẹn hôm sau trả xe. Sáng ngày 21/6/2020, T1 đi xe mô tô của T2 ra thị trấn Thất Khê, Tràng Định chơi do không có tiền chi tiêu, đã nảy sinh ý định đem xe mô tô đi cầm cố lấy tiền.

Nông Văn T1 đến nhà Ma Thái D, trú tại thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn nhờ đưa đi tìm chỗ cầm cố xe (T1 không nói cho D biết là xe của T2). Ma Thái D dẫn Nông Văn T1 đi đến nhà Nguyễn Đức T, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã C, huyện Tràng Định đặt lấy 2.000.000 đồng một mình mang chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Sáng hôm sau, ngày 22/6/2020 T1 rủ D đến nhà Hoàng Anh T, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã Đ, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn chơi, T1 nói cho T2 biết việc đem xe mô tô đi cầm cố với T lấy 2.000.000 đồng và muốn nhờ T2 gặp Tùng xin cầm cố chiếc xe thêm tiền, D nói là “nó không cho thêm đâu”, T2 trả lời là được; sau đó D đi về nhà còn T2 cùng T1 đi xe mô tô của T2 đến nhà Tùng hỏi lấy thêm 500.000 đồng nhưng Tùng không đồng ý. T2, T1 đã nghĩ cách và bàn bạc, thống nhất đem xe của T2 đưa đến cho T đổi, lấy xe mà T1 đã cầm trước đó đi cầm cố chỗ khác lấy thêm tiền; đổi xong đi tìm chỗ cầm cố nhưng do xe không có giấy tờ nên không có ai nhận cầm cố. T1 và T2 quay về nhà T để đổi lại xe nhưng T không cho; T1 lại bàn bạc với T2 để gọi điện cho cậu họ của T1 tên là Long Văn D (sinh năm 1980, trú tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn), nói dối việc cầm cố xe và nhờ D chuộc xe cho để lấy số tiền 5 triệu; bàn bạc thống nhất xong T1 gọi điện thoại cho D nhờ giúp chuộc hộ xe mô tô của mình hiện nay do T2 đang giữ; nói chuyện qua điện thoại trao đổi, tưởng thật, anh D yêu cầu gặp T2 để giải quyết việc cầm cố, khi T2 nghe điện thoại đã trả lời gian dối “phải nó cầm xe với em”, D đồng ý chuộc hộ xe cho T1 và bảo hai người đến nhà mình nhận tiền chuộc xe mô tô; khi đến T1 giới thiệu về T2 với D “đây là anh T3 nhà ở N, Đ là người cầm cố xe mô tô của cháu” T2 nghe thấy nhưng không nói gì, D bảo vợ (là Bé Thị V) lấy cho T1 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nhận tiền T1 đã đưa cho T2 đếm, đếm xong, T1 lại nói với D còn 200.000 đồng (Hai trăm nghìn

đồng) tiền lãi nữa thì D bảo vợ (V) đưa thêm cho T1 200.000 đồng. Sau đó T1 mượn xe mô tô của D chở T2 đến nhà Lộc Văn C, trú tại thôn A, xã T, huyện T đưa cho T2 3.000.000 đồng, còn lại 2.200.000 đồng T1 cầm, rồi quay lại nhà cậu họ (Dũng) trả xe mô tô, lúc này chị V hỏi T1 “xe có giấy tờ không” T1 trả lời “có cháu để ở nhà”, Vui bảo T1 mấy hôm nữa đem giấy tờ xe ra thì T1 trả lời “vâng” sau đó đi về nhà; số tiền 2.200.000 đồng T1 đã đem chi tiêu cá nhân hết và bỏ đi khỏi địa phương; còn T2 sau khi được T1 đưa cho 3.000.000 đồng đã thuê xe ôm đi đến nhà T chuộc xe mô tô đã đổi cầm cố với T hết 2.400.000 đồng, chuộc lại điện thoại mà T2 cầm cố trước đó hết 600.000 đồng; quá trình điều tra Long Văn D giao nộp chiếc xe mô tô T1 đã nhờ D chuộc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định.

Kết luận định giá tài sản số 32/HDĐGTS, ngày 14/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Trảng Định, kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, vàng của Nông Văn T2 bị Nông Văn T1 xâm hại ngày 20/6/2020, có giá trị là 7.670.400 đồng.

Cáo trạng số 02/CT-VKSTĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố:

Nông Văn T1 về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại điểm b, khoản 1 Điều 175 và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hoành Anh T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử T2 bố: Nông Văn T1 về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Hoành Anh T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn T1 09 đến 12 tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; 09 đến 12 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoành Anh T 06 đến 09 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về số tiền bồi thường 5.200.000 đồng. Nông Văn T1 có trách nhiệm bồi thường 4.600.000 đồng còn Hoành Anh T bồi thường 600.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận tội danh của mình như cáo trạng đã nêu. Nông Văn T1 nhất trí bồi thường 4.600.000 đồng; Hoành Anh T nhất trí bồi thường 600.000 đồng cho anh Long Văn D và chị Bé Thị V. Anh Nông

Văn T2 đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn vàng - đen, BKS: 12T1 – 069.10, không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Anh Long Văn D yêu cầu các bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền 5.200.000 đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo có ý kiến Nông Văn T1 bồi thường 4.600.000 đồng; Hoàng Anh T bồi thường 600.000 đồng anh nhất trí. Anh xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phần tranh luận các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người nêu trên. Do đó các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng: Hội đồng xét xử nhận thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên, nhưng đã có lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra và được lưu trong hồ sơ vụ án. Những lời khai này là phù hợp với lời khai của bị cáo và diễn biến tại phiên tòa ngày hôm nay, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có căn cứ xác định: Sáng ngày 21/6/2020 Nông Văn T1, lạm dụng sự cả tin của anh Nông Văn T2 là người cùng thôn đã đem xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn vàng-đen, BKS 12T1-069.10 của anh Nông Văn T2 đem đi cầm cố với Nguyễn Đức T lấy số tiền 2.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân; khi tiêu hết tiền ngày 22/6/2020 Nông Văn T1 bàn bạc với Hoàng Anh T, dùng lời nói gian dối, để đem xe mô tô nêu trên đến nhà anh Long Văn D và chị Bé Thị V, với mục đích lừa anh anh D, chị V chuộc hộ Nông Văn T1 chiếc xe để lấy số tiền 5.200.000. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn vàng-đen, BKS 12T1-069.10 của anh Nông Văn T2 cơ quan chuyên môn kết luận có giá trị là 7.670.400 đồng. Như vậy Nông Văn T1 phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại điểm b, khoản 1 Điều 175 và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình

sự. Hoàng Anh T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[4] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng gây mất trật tự an toàn xã hội làm hoang mang lo lắng trong một bộ phận đời sống dân cư trên địa bàn huyện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[5] Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đối với tội danh Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị cáo Nông Văn T1 thực hiện hành vi độc lập, không có đồng phạm. Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản Nông Văn T1 là người giữ vai trò chính, Hoàng Anh T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức.

[6] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về nhân thân: Bị cáo Nông Văn T1 có nhân thân tốt, bị cáo Hoàng Anh T là đối tượng nghiện ma túy, do vậy Hội đồng xét xử xác định bị cáo là người có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo Hoàng Anh T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bố đẻ là Hoàng Như H là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất đây là các tình tiết giảm nhẹ của Hoàng Anh T quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về đường lối xử lý vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc để trừng trị các bị cáo và răn đe những ai có ý định phạm tội tương tự đó là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo nhận thức được hành vi của mình, cải tạo tập chung để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Long Văn D và chị Bé Thị V yêu cầu các bị cáo bồi thường lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa anh Long Văn D và các bị cáo đã thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên. Theo đó Nông Văn T1 có trách nhiệm bồi thường 4.600.000 đồng còn Hoàng Anh T bồi thường 600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự

nguyên, không thuộc trường hợp pháp luật cấm và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Đối với Nguyễn Đức T, Ma Thái D không biết tài sản (xe mô tô) Nông Văn T1 đem cầm cố do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay thể hiện các bị cáo là người không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn vàng - đen, BKS: 12T1 – 069.10 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nông Văn T2 do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn T1. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17 Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Anh T.

Áp dụng khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 587 Điều 357, Điều 348 Bộ luật dân sự; Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh:

1.1. T2 bố bị cáo Nông Văn T1 phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1.2. T2 bố bị cáo Hoàng Anh T phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt Nông Văn T1 09 (chín) tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; 09 (chín) tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp chung hình phạt bị cáo phải chấp hành là 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2020.

2.2. Xử phạt Hoàng Anh T 07 (bảy) tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Long Văn D và các bị cáo về việc bồi thường thiệt hại với số tiền 5.200.000 đồng. Bị cáo Nông Văn T1 có trách nhiệm bồi thường 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), bị cáo Hoàng Anh T có trách nhiệm bồi thường 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo chưa thanh toán được số tiền trên mà bị hại có đơn yêu cầu thi hành án thì các bị cáo còn phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 348 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nông Văn T1, Hoàng Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T2 án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ Điều tra CA huyện Tràng Định;
- CQ THAHS huyện Tràng Định;
- Chi cục THA DS huyện Tràng Định;
- UBND xã Đ, xã T;
- Bị cáo; bị hại; NCQL&NVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Bình